

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LƯƠNG NGỌC YẾN ANH

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông NGUYỄN ĐỨC ĐẸP

2. Bà NGUYỄN THỊ TỈNH

- Thư ký phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ THÚY – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ NHƯ HẠNH – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1113/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Cẩm T** - Sinh năm: 1979

ĐKKHKT: Tổ 31 Trường P (nay là 36 M), phường Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Đ** - Sinh năm: 1973

ĐKKHKT: Tổ 31 Trường P (nay là 36 M), phường Vĩnh P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh P, thành phố N vào năm 1997. Quá trình chung sống, tôi và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do có quá nhiều điểm khác biệt từ tính cách cho đến quan điểm sống. Anh Đ không có trách nhiệm với vợ con, không lo chí thú làm ăn mà chỉ ham mê cờ bạc, rượu chè và cá độ, không hề chia sẻ gánh nặng kinh tế gia đình với tôi. Một mình tôi phải làm và lo lắng tất cả từ gia đình chồng cho đến con cái. Vì con còn nhỏ, nên tôi đã cố gắng bỏ qua và chịu đựng nhưng anh Đ vẫn không thay đổi tính tình. Chúng tôi tuy sống chung một nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, không còn quan tâm đến nhau đã hơn 07 năm qua. Nay, tôi thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tôi không thể tiếp tục chịu đựng thêm nữa

nên làm đơn xin Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Đ, để tôi an tâm ổn định cuộc sống của mình và nuôi dạy con cho tốt.

Chúng tôi có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày: 22/5/1998; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày: 04/4/2001 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày: 17/5/2011. Cháu Mỹ L đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các cháu Yến N và Bảo T thì tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng vì anh Nguyễn Đ làm nghề biển, thường xuyên vắng nhà dài ngày nên không có điều kiện chăm sóc các cháu.

Tôi không yêu cầu anh Nguyễn Đ cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Bị đơn ông Nguyễn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Đ tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Cẩm T và ông Nguyễn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh P, thành phố N; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/97, quyển số 01, cấp ngày 15/4/1997. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ không hạnh phúc do ông Đ vô trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà chỉ đam mê rượu chè, cờ bạc; dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai người tuy sống chung một nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, bỏ mặc và không quan tâm đến nhau trong suốt 07 năm qua. Hiện nay, bà T khẳng định không còn tình cảm với ông Đ nên xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Đ lên làm việc. Nhưng tại các buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa, ông Đ không có mặt để tham gia tố tụng, cho thấy ông Đ không có thiện chí trong việc mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà T và ông Đ không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T khai có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày: 22/5/1998; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày: 04/4/2001 và Nguyễn Lê Bảo Ty, sinh ngày: 17/5/2011. Cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày: 22/5/1998, đã trưởng thành nên bà T không có yêu cầu gì. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi

đường, chăm sóc 02 cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày: 04/4/2001 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày: 17/5/2011.

Xét cháu Yến N và Bảo T còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Trong khi đó, ông Nguyễn Đ hiện làm nghề biển, thường xuyên vắng nhà lâu ngày nên không đảm bảo các điều kiện để chăm sóc con cái. Hơn nữa, các cháu là con gái và hiện đang sống với mẹ ổn định. Riêng cháu Yến N có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao cháu Yến N và Bảo T cho nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn, là hợp lý.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T không yêu cầu ông Nguyễn Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[6] Án phí:

Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm T và ông Nguyễn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày: 04/4/2001 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày: 17/5/2011 cho bà Lê Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Bà Lê Thị Cẩm T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Ông Nguyễn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Cẩm T không có yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. Án phí: Bà Lê Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007549 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Thạch đã nộp đủ án phí.

5. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Nha Trang
- Dương sự
- THADS Tp. Nha Trang
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- UBND phường Vĩnh P, tp. N.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã kí)

Lương Ngọc Yến Anh